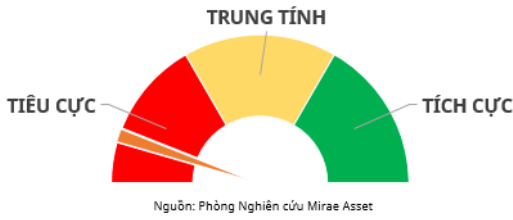


15 Tháng 09, 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,245.66	0.4	-2.2	-7.4
HNX	279.69	0.1	-8.0	-20.3
UPCOM	90.27	0.1	-2.6	-5.8
MSCI EM	962.55	-1.8	-5.2	-25.3
NIKKEI	27,875.91	0.2	-3.4	-8.6
HANG SENG	18,957.27	0.6	-5.4	-24.3
KOSPI	2,401.83	-0.4	-5.0	-23.8
FTSE	7,325.70	0.7	-2.4	4.4
S&P 500	3,946.01	0.3	-8.2	-11.9
NASDAQ	11,719.68	0.7	-10.7	-22.7

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Vietnam	13.4	2.1	15.5
Indonesia	16.1	2.2	14.1
Philippines	17.0	1.6	10.1
Malaysia	16.1	1.4	8.9
Thailand	16.8	1.7	9.5

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.0	0	0	0
5 năm	3.2	0	22	238
10 năm	3.7	1	23	165

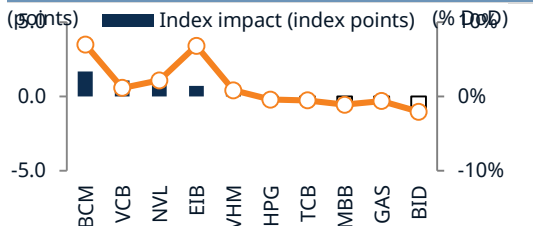
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,605	-0.1	-0.9	-3.6
US\$/KRW	1,394.0	-0.2	-6.6	-16.0
US\$/JPY	143.5	-0.3	-7.1	-23.8
US\$/EUR	1.0	0.0	1.8	18.4
US\$/GBP	0.9	0.1	4.6	20.1
US\$/SGD	1.4	0.0	-1.9	-4.6

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	568	571	860
HNX	65	69	108
UPCOM	27	32	65

### Các cổ phiếu tác động VN-Index



### Nhận định thị trường

#### Dòng tiền thận trọng trong phiên đảo hạn

Tiếp nối đà tăng của phiên trước, VN-Index duy trì sắc xanh trong suốt thời gian giao dịch. Tuy nhiên, áp lực chốt lời phần nào đã khiến điểm số tăng bị thu hẹp. Đóng cửa, VN-Index tăng 4,9 điểm tương ứng với 0,4% và dừng chân tại ngưỡng 1,245 điểm. Thanh khoản khớp lệnh sụt giảm hơn 23% so với phiên trước và chỉ đạt hơn 387 triệu đơn vị tương ứng hơn 9,778 tỷ đồng.

Sau đà tăng mạnh trước đó, nhóm dầu khí chịu áp lực chốt lời khiến một số mã giảm như PVC (-3,5%); PVD (-2,6%) và PVS (-1,4%). Bên cạnh đó, nhóm cổ phiếu chứng khoán tiếp tục bị bán mạnh ở nhiều mã khi có tới 18 mã giảm trên tổng số 25 mã niêm yết. Trong đó, ART, VCI, VIX và WSS giảm mạnh nhất với hơn 2%. Trái ngược, nhóm cổ phiếu phân bón có tín hiệu tăng điểm tốt như BFC (+3,6%); DPM (+1,7%) và DCM (+1,2%)

Khối ngoại tiếp tục bán ròng với tổng giá trị đạt hơn 324 tỷ đồng trên cả HNX và HSX. Trong đó, STB và SSI bị bán mạnh nhất với giá trị lần lượt 46 tỷ đồng và 42 tỷ. Ngược lại, HPG và VIC được mua ròng lần lượt 58 tỷ và 24 tỷ.

Mặc dù tăng điểm, thế nhưng thanh khoản có phần sụt giảm khiến cho điểm số đánh giá sức mạnh giá của VN-Index có phần sụt giảm từ mức -4 điểm xuống mức -6 điểm với trạng thái đánh giá vẫn duy trì ở mức TIÊU CỰC. Hệ số P/E của VN-Index hiện tại đạt 13,4x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN FIN SELECT	-5	<b>TIÊU CỰC</b>
Shanghai Composite	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Kospi	0	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	-6	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

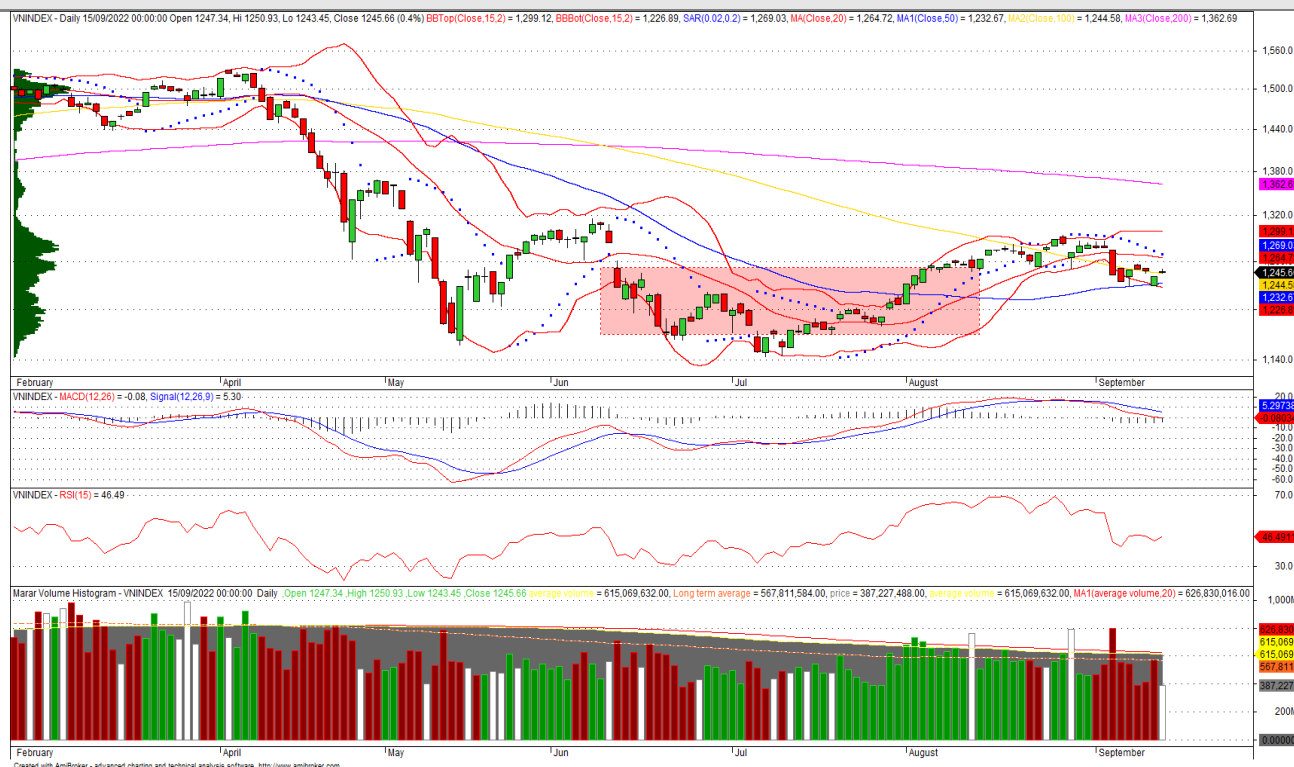
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN FIN SELECT	-5	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (15/09/2022)	Kháng cự 1	<b>1.250</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.270</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.240</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.200</b>

VNINDEX đang kiểm định ngưỡng hỗ trợ tại 1,240 điểm, tuy nhiên thanh khoản có phần thấp nhất trong 1 tháng trở lại đây

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

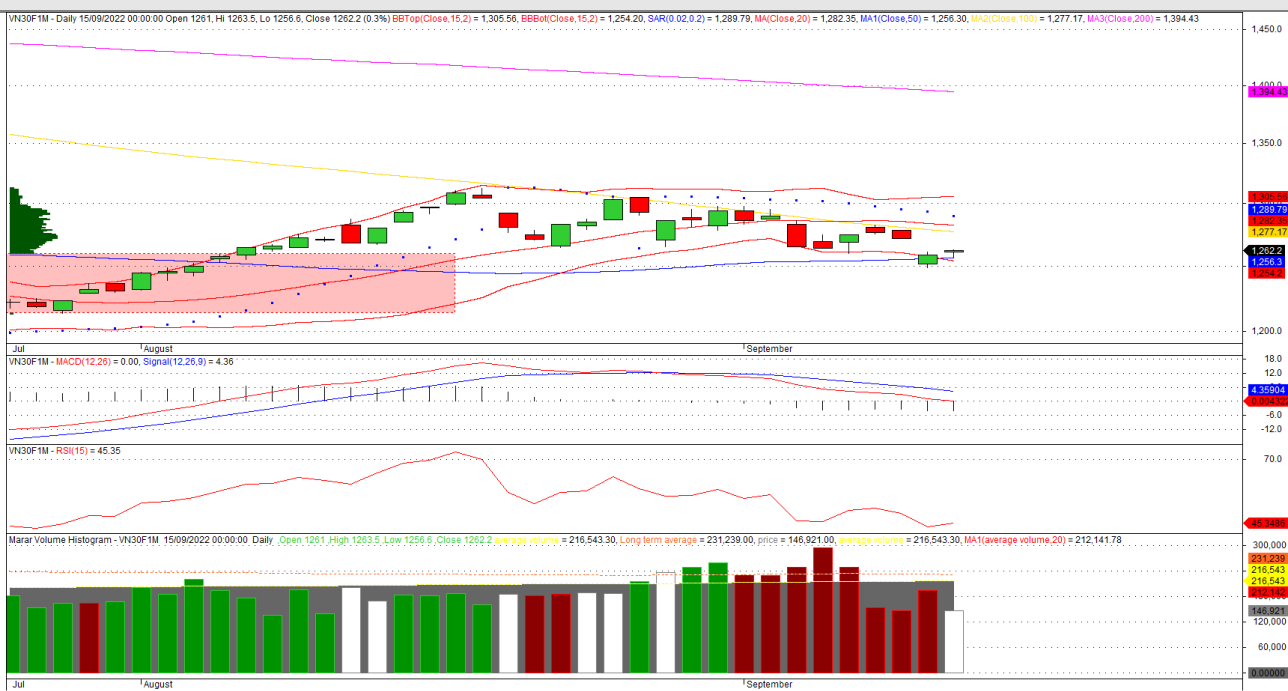
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (15/09/2022)	1.262	Kháng cự 1 <b>1.280</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2 <b>1.300</b>
VN30 - đóng cửa	1.262	Hỗ trợ 1 <b>1.260</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-0,62</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.240</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	--2	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	-6	<b>TIÊU CỰC</b>

Hợp đồng phái sinh VN30F2209 được đáo hạn trong hôm nay và có độ lệch với hợp đồng tháng sau (VN30F2210) gần 4 điểm.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
ASM	Thủy sản	17,300	3,680,970	95	4	

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

### ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
POW	14.45	15,493,920	5	KHẢ QUAN	33,840	21.4	1.1	224
BCG	16.55	5,095,445	5	KHẢ QUAN	8,829	9.4	1.2	84
VRE	28.85	1,589,625	5	KHẢ QUAN	65,556	50.6	2.1	46
HAG	13.6	20,766,760	4	KHẢ QUAN	12,613	17.6	2.8	282
VCG	24	4,627,315	4	KHẢ QUAN	11,661	12.5	1.7	111
IDI	22.2	4,111,475	4	KHẢ QUAN	5,054	9.7	1.5	91
PC1	41	2,017,440	4	KHẢ QUAN	9,642	19.7	2.0	83
PAN	26.4	2,658,135	4	KHẢ QUAN	5,515	14.1	1.3	70
ASM	17.3	3,680,970	4	KHẢ QUAN	5,822	7.0	1.1	64
TLG	69.2	570,290	4	KHẢ QUAN	5,383	14.9	2.7	39
DPG	51.5	1,095,465	3	TRUNG TÍNH	3,244	8.6	2.2	56
NT2	30.2	1,819,130	3	TRUNG TÍNH	8,694	9.7	2.0	55
NKG	23.2	14,031,620	2	TRUNG TÍNH	6,108	3.3	1.0	326
MWG	73.9	4,359,330	2	TRUNG TÍNH	108,168	21.5	4.8	322
PVD	22.7	12,159,325	2	TRUNG TÍNH	12,618	#N/A N/A	0.9	276
VHM	60.5	2,012,005	2	TRUNG TÍNH	263,439	9.3	2.2	122
VHC	91.3	910,710	2	TRUNG TÍNH	16,742	8.1	2.3	83
DGW	77.6	1,011,615	2	TRUNG TÍNH	12,655	17.2	6.1	79
FCN	15.5	2,256,830	2	TRUNG TÍNH	2,440	79.3	0.9	35
NVL	85.3	3,070,085	1	TRUNG TÍNH	166,321	51.7	4.5	262
DGC	100.1	3,336,560	0	TRUNG TÍNH	37,161	8.1	4.1	334
DXG	25.7	10,350,205	0	TRUNG TÍNH	15,614	21.0	1.7	266
DCM	37.8	6,534,285	0	TRUNG TÍNH	20,011	5.4	2.0	247
HCM	26.9	7,548,525	0	TRUNG TÍNH	12,299	10.7	1.6	203
CII	23.15	6,967,030	0	TRUNG TÍNH	5,839	16.0	1.1	161
REE	86	1,043,085	0	TRUNG TÍNH	30,565	13.0	2.1	90
VIC	63.9	1,193,775	0	TRUNG TÍNH	243,710	#N/A N/A	2.3	76
HBC	19.3	3,751,950	0	TRUNG TÍNH	5,073	49.9	1.3	72
PVT	22.4	3,080,375	0	TRUNG TÍNH	7,250	11.3	1.3	69
HTP	50.5	1,017,900	0	TRUNG TÍNH	4,636	2,342.3	4.7	51
CTD	72.1	700,865	0	TRUNG TÍNH	5,325	#N/A N/A	0.6	51
GMD	49.7	880,240	0	TRUNG TÍNH	14,978	18.4	2.2	44
TDC	24.15	1,601,580	-1	TRUNG TÍNH	2,415	28.5	1.9	39

HPG	23.6	21,343,876	-2	TRUNG TÍNH	137,229	5.0	1.4	504
PVS	27.4	10,474,905	-2	TRUNG TÍNH	13,096	24.8	1.1	287
IDC	59.4	4,095,855	-2	TRUNG TÍNH	19,602	11.3	3.6	243
HSG	18.1	12,590,590	-2	TRUNG TÍNH	10,825	5.2	0.9	228
FRT	91	1,949,225	-2	TRUNG TÍNH	10,781	18.1	5.9	177
DBC	27.1	6,060,385	-2	TRUNG TÍNH	6,558	24.1	1.3	164
VGC	63.8	1,347,430	-2	TRUNG TÍNH	28,605	14.7	3.7	86
GVR	25.5	2,582,295	-2	TRUNG TÍNH	102,000	21.9	2.1	66
VJC	116	549,590	-2	TRUNG TÍNH	62,827	658.4	3.7	64
HNG	6.3	8,808,590	-2	TRUNG TÍNH	6,984	#N/A N/A	2.4	55
ITA	6.11	8,776,225	-2	TRUNG TÍNH	5,733	17.9	0.5	54
VPI	59.9	854,520	-2	TRUNG TÍNH	14,496	24.7	4.4	51
IJC	21.35	1,894,875	-2	TRUNG TÍNH	4,635	9.6	1.3	40
SHS	12	10,672,905	-3	TRUNG TÍNH	9,758	9.6	1.0	128
KDC	65.4	1,130,915	-3	TRUNG TÍNH	16,456	28.9	2.5	74
SSI	21.65	18,895,756	-4	TIÊU CỰC	32,240	8.1	1.6	409
KBC	30.7	7,795,515	-4	TIÊU CỰC	23,565	94.7	1.6	239
BSR	24.2	9,368,555	-4	TIÊU CỰC	75,032	11.5	2.0	227
VCI	36.05	5,706,380	-4	TIÊU CỰC	15,700	10.3	2.2	206
DPM	52.7	3,816,470	-4	TIÊU CỰC	20,623	3.6	1.5	201
HDC	50	2,272,810	-4	TIÊU CỰC	5,404	16.3	3.4	114
VIX	12.1	8,231,930	-4	TIÊU CỰC	7,044	7.2	0.9	100
VCB	79.2	1,145,245	-4	TIÊU CỰC	374,815	15.0	3.0	91
CTG	26.9	3,247,330	-4	TIÊU CỰC	129,275	8.8	1.3	87
ANV	51	1,426,420	-4	TIÊU CỰC	6,484	13.3	2.3	73
NLG	39.8	1,807,520	-4	TIÊU CỰC	15,241	20.2	1.8	72
HUT	26.2	2,709,625	-4	TIÊU CỰC	9,134	34.9	2.3	71
ACB	23.55	2,603,320	-4	TIÊU CỰC	79,539	6.8	1.5	61
LPB	14.8	3,864,305	-4	TIÊU CỰC	22,253	4.6	0.9	57
SZC	50.8	1,019,550	-4	TIÊU CỰC	5,080	22.3	3.4	52
PET	43.2	1,091,090	-4	TIÊU CỰC	3,881	15.4	2.1	47
TCM	42.8	871,055	-4	TIÊU CỰC	3,507	27.6	1.9	37
AAA	11.25	3,137,140	-4	TIÊU CỰC	4,301	12.1	0.8	35
LCG	10.8	3,170,415	-4	TIÊU CỰC	2,048	10.8	0.8	34
KDH	35.45	948,865	-4	TIÊU CỰC	25,447	20.2	2.3	34
HAH	61.9	1,308,605	-5	TIÊU CỰC	4,228	6.7	2.2	81
VIB	23	1,862,710	-5	TIÊU CỰC	48,476	6.7	1.7	43
VPG	26.2	1,453,690	-5	TIÊU CỰC	2,101	5.4	1.3	38
VPB	30.3	13,329,620	-6	TIÊU CỰC	135,607	8.1	1.5	404
DIG	35.45	7,709,340	-6	TIÊU CỰC	21,619	20.0	2.9	273
STB	23.05	10,572,950	-6	TIÊU CỰC	43,454	12.1	1.2	244
GEX	23	9,801,535	-6	TIÊU CỰC	19,584	27.1	1.6	225
VNM	74.5	2,607,505	-6	TIÊU CỰC	155,702	18.4	4.6	194
SHB	14.1	10,813,450	-6	TIÊU CỰC	37,603	5.2	0.9	152
PDR	51.3	2,611,090	-6	TIÊU CỰC	34,455	16.4	4.5	134
HDG	51.6	1,964,965	-6	TIÊU CỰC	12,622	9.0	2.6	101
BVH	56.6	1,321,205	-6	TIÊU CỰC	42,015	23.5	1.9	75
MSN	112	629,250	-6	TIÊU CỰC	159,457	15.6	5.5	70

PHR	67.5	938,890	-6	TIÊU CỰC	9,146	13.8	2.8	63
PNJ	111.9	542,030	-6	TIÊU CỰC	27,528	18.7	3.4	61
PVC	21.8	2,565,050	-6	TIÊU CỰC	1,090	279.7	1.5	56
GAS	112.8	493,975	-6	TIÊU CỰC	213,980	16.8	3.6	56
TNG	24.9	1,862,085	-6	TIÊU CỰC	2,617	8.6	1.7	46
SCR	10.8	3,999,145	-6	TIÊU CỰC	3,957	30.1	0.8	43
IDJ	15.5	2,430,040	-6	TIÊU CỰC	2,689	11.4	1.5	38
LDG	9.61	3,695,810	-6	TIÊU CỰC	2,301	13.7	0.7	36
TPB	26.55	1,292,470	-6	TIÊU CỰC	41,996	7.6	1.4	34
MIG	22.3	1,454,710	-6	TIÊU CỰC	3,667	19.1	2.0	32
VND	19.8	18,002,990	-7	TIÊU CỰC	24,113	4.9	1.7	356
MBB	22.15	8,632,400	-7	TIÊU CỰC	100,428	6.4	1.5	191
CEO	29.2	4,194,085	-7	TIÊU CỰC	7,514	30.1	2.5	122
FPT	83.7	1,397,090	-7	TIÊU CỰC	91,821	18.5	4.7	117
TCB	36.6	3,179,800	-7	TIÊU CỰC	128,731	6.3	1.2	116
HDB	25.15	2,382,225	-7	TIÊU CỰC	50,607	7.2	1.5	60
PLX	39.3	1,440,875	-7	TIÊU CỰC	49,934	54.4	2.2	57
BID	35.75	1,546,035	-7	TIÊU CỰC	180,842	14.0	2.0	55
TCH	10.9	3,630,280	-7	TIÊU CỰC	7,317	16.3	0.8	40

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## **Thông tin cập nhật**

### **Nhật Bản thâm hụt thương mại kỷ lục do đồng yên yếu**

Nhật Bản ghi nhận thâm hụt thương mại kỷ lục trong tháng 8, qua đó phần nào phản ánh tác động tiêu cực từ sự mất giá của đồng yên tới quá trình phục hồi của nền kinh tế số ba thế giới. Theo đó, thâm hụt thương mại của quốc gia mặt trời mọc tăng lên ngưỡng 2.820 tỷ yên (tương đương 19,7 tỷ USD) trong tháng trước. Số liệu thực tế lớn hơn nhiều so với dự báo của giới chuyên gia đồng thời kéo dài quãng thời gian thâm hụt lên 13 tháng, dài nhất kể từ năm 2015. Kim ngạch nhập khẩu tăng 49,9% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu tới từ các mặt hàng như dầu mỏ, than đá và khí thiên nhiên hóa lỏng. Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng chỉ bằng một nửa so với nhập khẩu (22,1%) với thế mạnh là lĩnh vực sản xuất ô tô. So với tháng trước đó, xuất khẩu giảm 0,7% trong khi xuất khẩu tăng 1,5% về mặt giá trị. Thâm hụt thương mại ngày một nới rộng làm gia tăng quan ngại về xung lực hồi phục của kinh tế Nhật Bản sau đại dịch Covid-19 khi chi phí năng lượng và thực phẩm tăng cao có thể kéo giảm tiêu dùng của người dân. Đồng yên suy yếu khiến cho hàng hóa nhập khẩu trở nên đắt đỏ hơn.

### **Lạm phát tại Anh bất ngờ suy yếu trong tháng 8**

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại Anh trong tháng 8 bất ngờ chậm lại do giá nhiên liệu sụt giảm dù chi phí thực phẩm tiếp tục leo thang. Theo dữ liệu vừa được công bố bởi Văn phòng Thống kê quốc gia (ONS), CPI tháng 8 của xứ sở sương mù tăng 9,9% so với cùng kỳ năm 2021, thấp hơn dự báo tăng 10,2% của Reuters. Số liệu trong tháng 8 đồng thời thấp hơn mức tăng 10,1% ghi nhận trong tháng 7. Tính vắt tháng, CPI toàn phần tăng 0,5%. CPI cơ bản, không bao gồm chi phí năng lượng, thực phẩm, đồ uống có cồn và thuốc lá, tăng 0,8% so với tháng trước và 6,3% so với tháng 8/2021, khớp với dự báo của giới chuyên gia. “Giá nhiên liệu giảm đóng góp lớn nhất vào sự suy yếu của lạm phát trong tháng vừa qua”, theo nội dung báo cáo của ONS. “Tuy nhiên, đà suy yếu phần nào bị hạn chế bởi diễn biến tăng của chi phí thực phẩm”. Nước Anh đang chìm sâu trong cuộc khủng hoảng chi phí sống nghiêm trọng nhất lịch sử khi chi phí năng lượng và thực phẩm tăng phi mã. Trong khi đó, tăng trưởng thu nhập của người lao động lại không bắt kịp đà tăng giá cả khiến cho thu nhập thực tế của người dân Anh giảm xuống ngưỡng thấp kỷ lục.

### **TDM: họp ĐHĐCĐ bất thường để thông qua đấu giá cổ phiếu ra công chúng**

Nước Thủ Dầu Một ([HoSE:TDM](#)) thông báo 28/9 là ngày đăng ký cuối cùng tham dự ĐHĐCĐ bất thường năm nay. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV năm nay. Nội dung họp về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng. Cùng với đó, HĐQT cũng lấy ý kiến cổ đông về các vấn đề khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Thông tin chi tiết chưa được tiết lộ. Trước đó, vào tháng 7, HĐQT công ty đã thông qua việc chào bán 10 triệu cổ phiếu ra công chúng bằng hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) theo tỷ lệ 10%. Thời gian dự kiến sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận. Giá khởi điểm đấu giá sẽ không thấp hơn trung bình giá đóng cửa cuối ngày của cổ phiếu TDM tại 30 phiên giao dịch liền trước và không thấp hơn giá sổ sách của cổ phiếu này trong BCTC kiểm toán 2021. Tổng giá trị theo mệnh giá là 100 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ công ty lên 1.100 tỷ đồng. Số tiền thu được sẽ được dùng để bù đắp vốn lưu động để thực hiện hoạt động đầu tư vào các công ty nước với tổng số tiền 297,7 tỷ đồng. Trong đó, 143 tỷ đồng mua cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ; 70 tỷ đồng mua cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2; 48,5 tỷ đồng mua cổ phần cấp nước Gia Tân và 36,2 tỷ đồng mua cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

### **VGC: chốt quyền tạm ứng cổ tức 2022 tỷ lệ 10% bằng tiền**

Tổng công ty Viglacera ([HoSE: VGC](#)) vừa công bố ngày 28/9 tới đây sẽ là ngày đăng ký cuối cùng để cổ đông có thể nhận tiền tạm ứng cổ tức cho năm 2022. Ngày thanh toán dự kiến là 19/10. Việc ngày được diễn ra sau khi công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh 6 tháng vượt kế hoạch cả năm. Với 448,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, Viglacera sẽ chi ra 448,3 tỷ đồng để trả số cổ tức trên. Xét về cơ cấu cổ đông, hiện CTCP Hạ tầng Gelex đang là cổ đông lớn nhất khi nắm giữ 225,1 triệu cổ phiếu VGC, tương ứng với tỷ lệ 50,21% vốn; cổ đông lớn thứ hai là Bộ Xây dựng sở hữu 38,58% vốn. Như vậy Hạ tầng Gelex có thể nhận về 225,1 tỷ đồng còn Bộ Xây dựng nhận về 127,9 tỷ đồng từ việc Viglacera tạm ứng cổ tức. Trước đó, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm nay, công ty đã công bố mức cổ tức dự kiến cho năm nay là 16% bằng tiền. Đơn vị này cũng có truyền thống trả cổ tức bằng tiền từ năm 2019 đến nay - năm đầu cổ phiếu VGC được niêm yết trên HoSE với mức giao động từ 10% - 15%.

### **C4G: nộp hồ sơ niêm yết HNX**

Ngày 14/9 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) thông báo đã nhận được bộ hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán của CTCP Tập đoàn Cienco 4 ([UPCoM:C4G](#)). Cienco 4 đăng ký niêm yết hơn 224,7 triệu cổ phiếu, tương ứng vốn điều lệ thực góp 2.247,2 tỷ đồng. Trước đó, HĐQT Cienco



4 đã thông qua nghị quyết triển khai đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty lên HNX nhưng ngày chính thức chưa được công bố. Cienco 4 tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập vào năm 1962. Tháng 6/2014, đơn vị chính thức hoạt động theo mô hình CTCP với vốn điều lệ ban đầu 600 tỷ đồng. Tới nay, sau nhiều lần tăng vốn, vốn điều lệ công ty đạt 2.247,2 tỷ đồng. Đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Cổ phiếu C4G bắt đầu giao dịch trên sàn UPCoM từ tháng 12/2018. Về kết quả kinh doanh những năm trở lại đây, doanh thu sụt giảm liên tục kể từ năm 2015 đến thời điểm cuối năm 2021, xuống mức 1.885 tỷ đồng. Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ ở trong xu hướng giảm giai đoạn 2016 - 2021, từ mức 168,2 tỷ đồng xuống 63 tỷ đồng. Kết quả kinh doanh đang phục hồi trong năm 2022. Quý II, doanh thu thuần đạt 783,4 tỷ đồng, tăng 67,7%. Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ tăng gần 150%, đạt 44,2 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần tăng 45%, đạt 1.210 tỷ đồng. Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ tăng 90%, ghi nhận 76 tỷ đồng. Cienco 4 hoàn thành 40,3% kế hoạch doanh thu và 25,3% kế hoạch lợi nhuận.

### **VHC: Doanh thu 8 tháng vượt cả năm 2021**

Vĩnh Hoàn ([HoSE: VHC](#)) công bố doanh thu tháng 8 đạt 1.270 tỷ đồng, tăng 73% so với cùng kỳ năm trước và tăng 6% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu sang thị trường Mỹ ghi nhận 508 tỷ đồng, tăng 72% so với cùng kỳ và tăng 17% so với tháng trước; châu Âu đạt 119 tỷ đồng, lần lượt tăng 5% và giảm 40%; Trung Quốc đạt 169 tỷ đồng, tăng 19% và giảm 13%. Riêng thị trường nội địa (chủ yếu đến từ công ty con – Sa Giang) đạt 310 tỷ đồng, tăng 179% so với cùng kỳ và tăng 76% so với tháng trước. Lũy kế 8 tháng, doanh nghiệp cá tra ghi nhận doanh thu 9.964 tỷ đồng, tăng 75,3% so với cùng kỳ năm trước và vượt qua con số đạt cả năm 2021. Vĩnh Hoàn duy trì doanh thu cao trong bối cảnh xuất khẩu cá tra trong tháng 8 vẫn ổn định với kim ngạch trên 187 triệu USD, tăng 114% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng nhẹ so với tháng 7. Xuất khẩu cá tra sang tất cả các thị trường đều giữ được tăng trưởng 2-3 con số bất chấp lo ngại xuất khẩu Việt Nam chậm lại trong các tháng cuối năm do lạm phát tăng cao ở các thị trường chính như Mỹ, châu Âu.

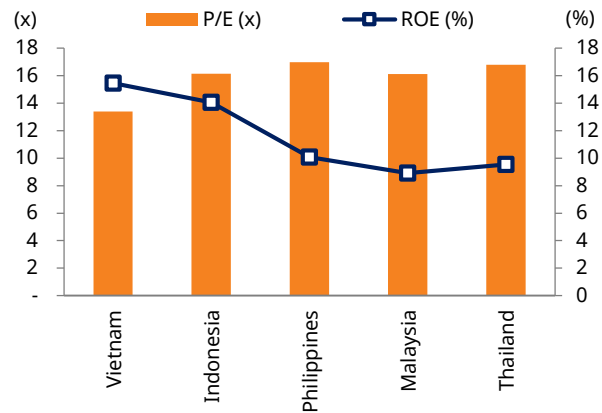
## Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index**



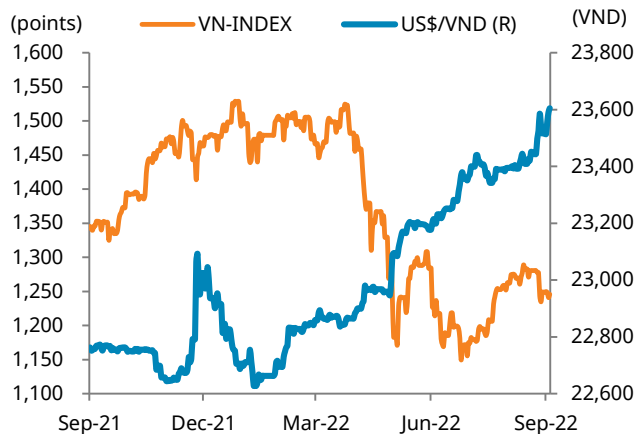
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường**



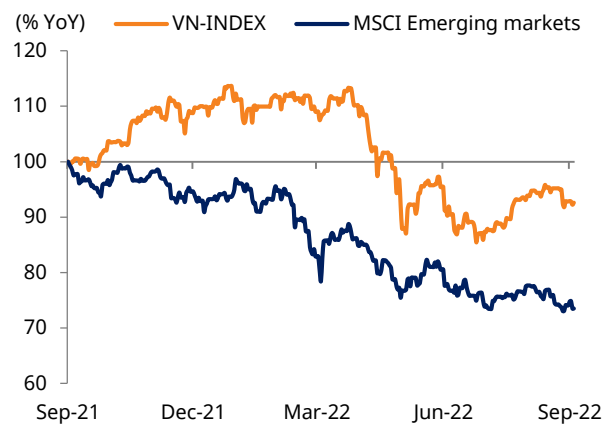
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND**



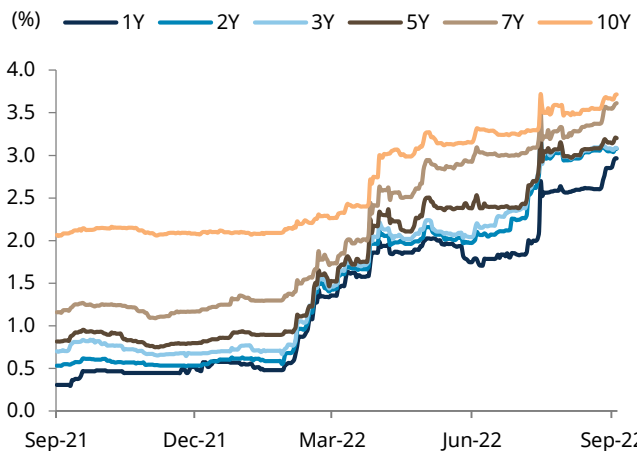
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets**



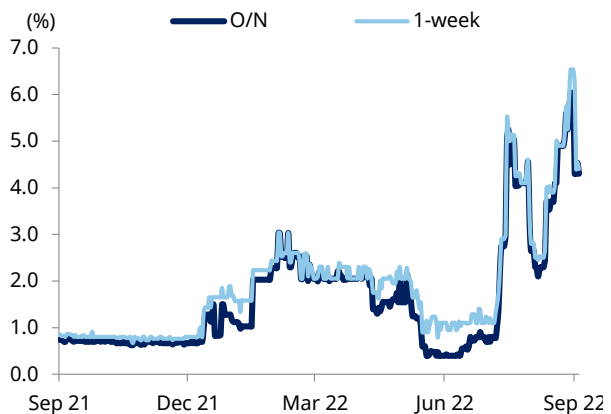
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

## Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>VN-Index</b>	<b>1,245.66</b>	<b>4,933,250</b>		<b>0.4</b>	<b>0.9</b>	<b>-2.2</b>	<b>-7.4</b>	<b>17.3</b>	<b>11.0</b>	<b>2.6</b>	<b>1.9</b>	<b>35.2</b>	<b>30.8</b>	<b>15.5</b>	<b>19.2</b>
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30</b>	<b>1,262.82</b>	<b>3,412,238</b>		<b>0.2</b>	<b>-0.2</b>	<b>-2.4</b>	<b>-12.6</b>	<b>14.4</b>	<b>9.8</b>	<b>2.8</b>	<b>1.8</b>	<b>38.5</b>	<b>20.3</b>	<b>19.6</b>	<b>20.6</b>
Asia Commercial Bank	ACB VN	23,550	79,539	30.0	0.2	-1.9	-5.6	-5.6	9.6	6.1	2.2	1.4	24.6	38.0	23.5	24.7
BIDV	BID VN	35,750	180,842	16.9	-2.1	-2.6	-12.8	15.9	19.1	12.9	2.3	1.8	50.3	60.1	11.0	16.9
Bao Viet Holdings	BVH VN	56,600	42,015	26.4	0.4	1.1	-2.2	4.6	22.9	19.8	2.0	#N/A	21.8	12.1	9.2	9.9
VietinBank	CTG VN	26,900	129,275	26.8	-0.4	0.2	-8.7	-13.6	9.8	6.6	1.7	1.2	18.2	39.8	15.8	19.7
FPT Corp	FPT VN	83,700	91,821	49.0	-0.4	-0.7	-5.8	6.7	20.9	17.1	5.0	4.3	21.5	35.0	23.4	29.3
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	111,800	213,980	3.0	-0.6	0.0	-1.9	22.2	21.8	15.0	3.7	3.7	8.1	71.2	16.8	24.8
Vietnam Rubber Group	GVR VN	25,500	102,000	0.5	2.0	2.0	2.6	-33.8	45.6	24.8	3.0	#N/A	10.3	-1.2	8.7	8.5
HDBank	HDB VN	25,150	50,607	18.1	-0.2	-1.4	-4.4	1.6	11.0	6.3	2.2	#N/A	42.5	32.2	23.3	22.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	23,600	137,229	20.6	-0.4	2.2	-1.7	-40.5	6.6	5.5	2.5	1.2	151.5	-22.5	42.8	22.9
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	35,500	25,447	31.5	-0.6	0.0	-8.5	-5.2	27.5	17.9	3.4	2.1	3.1	22.1	12.2	13.0
MBBank	MBB VN	22,150	100,428	19.4	-1.1	-2.9	-2.8	-3.2	9.8	5.8	1.9	1.3	53.0	35.6	23.6	24.1
Masan Group Corp	MSN VN	112,000	159,457	29.0	0.0	-2.6	3.2	-7.2	99.2	28.4	9.4	4.2	589.7	-35.0	35.1	14.9
Mobile World Investment Corp	MWG VN	73,900	108,168	49.0	0.3	3.4	13.7	18.6	22.2	19.1	5.2	3.6	18.2	12.0	27.3	24.8
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	85,300	166,321	5.6	2.2	0.4	4.3	8.4	2282.8	29.4	5.1	4.2	-18.7	59.6	10.6	14.5
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	51,300	34,455	2.7	0.8	-5.0	-5.4	-14.4	29.4	#N/A	7.5	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	39,300	49,934	17.5	-0.3	-1.3	-6.7	-22.8	21.0	26.1	2.8	2.0	160.6	-15.8	9.7	5.8
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	23,000	48,476	20.5	-0.6	-2.5	-12.4	-11.7	13.1	5.8	3.3	1.5	39.0	31.1	29.9	28.2
PetroVietnam Power Corp	POW VN	14,450	33,840	2.5	2.1	5.5	3.2	22.5	15.4	19.9	1.4	1.1	-24.2	-4.1	6.2	5.8
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	185,300	118,829	62.8	0.7	-3.3	-0.4	11.6	26.5	23.7	4.6	4.9	-22.9	42.3	17.1	22.3
SSI Securities Corp	SSI VN	21,650	32,240	35.0	-1.4	-1.8	-12.5	-46.3	23.9	13.0	4.3	#N/A	100.3	-31.6	21.0	15.2
Sacombank	STB VN	23,050	43,454	22.7	0.0	-3.6	-10.1	-13.3	17.0	10.2	1.8	1.1	30.6	38.9	9.5	12.0
Techcombank	TCB VN	36,600	128,731	22.4	-0.5	-2.1	-6.4	-24.4	10.1	5.9	2.0	1.1	46.1	20.6	21.7	21.0
Tien Phong Bank	TPB VN	26,550	41,996	30.0	0.0	-1.3	-8.3	-6.3	12.5	6.8	2.6	1.3	28.5	20.3	22.6	21.6
Vietcombank	VCB VN	79,200	374,815	23.5	1.1	1.5	-3.2	4.1	17.6	13.5	3.4	2.7	19.7	40.1	19.6	21.9
Vinhomes JSC	VHM VN	60,500	263,439	23.2	0.8	1.5	-1.6	-26.1	12.0	8.5	3.1	1.8	40.9	-21.4	36.9	22.2
Vingroup JSC	VIC VN	63,900	243,710	12.2	0.8	1.6	-3.8	-30.1	#N/A	30.3	3.6	2.3	-145.6	407.5	-2.8	7.6
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	116,000	62,827	16.4	-0.2	0.9	-6.8	-7.9	#N/A	#N/A	4.1	#N/A	6.1	#N/A	0.5	7.6
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	74,500	155,702	54.9	0.7	-1.6	4.2	-13.5	19.1	17.5	5.8	4.6	-5.3	-5.9	29.3	27.1
VPBank	VPB VN	30,300	135,607	17.5	0.0	1.3	-0.2	-14.6	12.9	6.6	2.6	1.3	11.6	74.4	17.9	20.8
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,850	65,556	32.0	1.2	5.3	-2.4	1.1	31.6	26.9	2.2	2.1	-44.8	85.9	4.4	7.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## **KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.